



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG

CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TÍN DỤNG NGÂN HÀNG

**FOREIGN TRADE
UNIVERSITY**



Nội dung

- I. Khái niệm, đặc trưng của tín dụng ngân hàng
- II. Vai trò của tín dụng ngân hàng
- III. Các hình thức tín dụng ngân hàng
- IV. Chất lượng tín dụng
- V. Quy trình tín dụng
- VI. Chính sách tín dụng



I. Khái niệm, đặc trưng của TDNH

1. Khái niệm 1:

Tín dụng là sự chuyển nhượng tạm thời một lượng giá trị từ người sở hữu sang người sử dụng và sau một thời gian nhất định được quay trở lại người sở hữu một lượng giá trị lớn hơn giá trị ban đầu.



I. Khái niệm, đặc trưng của TDNH

Khái niệm 2:

Tín dụng Ngân hàng là quan hệ chuyển nhượng quyền sử dụng vốn hoặc tài sản từ NHTM cho khách hàng trong một thời hạn nhất định với một khoản chi phí nhất định dựa trên nguyên tắc hoàn trả vô điều kiện cả vốn gốc và lãi cho bên cho vay (NHTM) khi đến hạn thanh toán.



Đặc trưng của TDNH

Chủ thể của quan hệ TDNH bao gồm người nhượng quyền sử dụng vốn (*NHTM*) và người nhận quyền sử dụng vốn (*khách hàng*). Trong một số trường hợp, còn có chủ thể thứ ba là *người bảo lãnh*.

Đối tượng của giao dịch TDNH bao gồm 2 hình thức: bằng tiền và tài sản.

Sự chuyển nhượng được dựa trên **cơ sở** “niềm tin” (credit) và theo **nguyên tắc** hoàn trả vô điều kiện.

Giá trị hoàn trả phải lớn hơn giá trị lúc cho vay (bao gồm cả vốn gốc, lãi và phí tín dụng).

Điều chỉnh quan hệ TDNH được thực hiện bằng hợp đồng tín dụng giữa NHTM và khách hàng.



Đặc trưng của TDNH

- **Hai nguyên tắc vay:**

- Vay phải được sử dụng đúng mục đích
- Vay phải được hoàn trả cả gốc và lãi đúng thời hạn cam kết trong hợp đồng

- **5 điều kiện vay vốn**

- Có đủ tư cách pháp lý
- Vốn vay phải được sử dụng hợp pháp
- Có năng lực tài chính lành mạnh, đảm bảo hoàn trả vốn vay đúng hạn
- Có phương án, dự án khả thi có hiệu quả
- Khách hàng phải thực hiện đảm bảo tiền vay đúng quy định



II. Vai trò của tín dụng ngân hàng

- **Đối với sản xuất kinh doanh:**

- Tín dụng ngân hàng cung ứng vốn cho sản xuất kinh doanh, góp phần tái sản xuất trong nền kinh tế.
- Tín dụng ngân hàng góp phần đẩy mạnh quá trình chuyển dịch và hợp lý hóa cơ cấu nền kinh tế.
- Tín dụng ngân hàng góp phần bình quân hóa tỷ suất lợi nhuận trong toàn bộ nền kinh tế.
- Tín dụng ngân hàng thúc đẩy tích tụ và tập trung vốn



II. Vai trò của tín dụng ngân hàng

- **Đối với lưu thông tiền tệ:**
 - Tín dụng ngân hàng thực hiện chức năng tạo tiền cho nền kinh tế.
 - Tín dụng ngân hàng góp phần thúc đẩy quá trình luân chuyển tiền tệ.
 - Tín dụng ngân hàng đóng vai trò điều chỉnh chiến lược kinh tế, góp phần chống lạm phát.



III. Các hình thức tín dụng

2.1. Căn cứ vào thời hạn tín dụng:

a) Cho vay không kỳ hạn

- Cho vay gọi trả (To Call Credits)
- Cho vay thấu chi (overdraft)

b) Cho vay ngắn hạn:

- Cho vay qua đêm (Overnight Credit)
- Tomorrow Next (T/N Credit) cho vay có thời hạn vay là 1 ngày
- Cho vay ngắn hạn có thời hạn 60 ngày, 90 ngày, 180 ngày, 360 ngày

c) Cho vay trung hạn: từ 1-5 năm

d) Cho vay dài hạn: trên 5 năm



III. Các hình thức tín dụng

2.2. Căn cứ vào mục đích tín dụng:

- a) Cho vay phục vụ SXKD
- b) Cho vay tiêu dùng

2.3. Căn cứ vào mức độ tín nhiệm đối với khách hàng

- a) Cho vay có bảo đảm
- b) Cho vay không có bảo đảm

2.4. Căn cứ vào phương thức hoàn trả nợ

- a) Cho vay trả góp
- b) Cho vay phi trả góp



III. Các hình thức tín dụng

2.5. Căn cứ vào hình thái giá trị của tín dụng:

- a) Cho vay bằng tiền*
- b) Cho vay bằng tài sản*

2.6. Căn cứ vào lãi suất:

- a) Cho vay thông thường*
- b) Cho vay ưu đãi*



III. Các hình thức tín dụng

2.7. Căn cứ vào xuất xứ tín dụng

a) Cho vay trực tiếp

b) Cho vay gián tiếp:

- Chiết khấu thương phiếu
- Mua lại các hợp đồng trả góp của công ty bán hàng
- Mua lại các khoản nợ của doanh nghiệp (*ng nghiệp vụ factoring*)



IV. Chất lượng tín dụng

1. Khái niệm

2. Các chỉ tiêu đánh giá

- Các chỉ tiêu định tính
- Các chỉ tiêu định lượng

3. Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng TDNH

- Các nhân tố thuộc về ngân hàng
- Các nhân tố thuộc về khách hàng



1. Khái niệm chất lượng TD

- *Chất lượng tín dụng ngân hàng phạm trù kinh tế đánh giá mức độ thỏa mãn nhu cầu về vốn tín dụng và mang lại lợi ích kinh tế cho khách hàng, đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội và đảm bảo lợi ích kinh tế, sự an toàn vốn đầu tư của ngân hàng.*
- Chất lượng tín dụng thường được đánh giá từ 3 góc độ:
 - NHTM
 - Các khách hàng
 - Nền kinh tế.



2. Các chỉ tiêu đánh giá chất lượng TD

- ***Các chỉ tiêu định tính:***
 - Sự phong phú của các hình thức tín dụng
 - Khả năng đáp ứng các yêu cầu của khách hàng (sự hài lòng của khách hàng)
 - Thương hiệu, uy tín, hình ảnh của ngân hàng



2. Các chỉ tiêu đánh giá chất lượng TD

- ***Các chỉ tiêu định lượng:***

1. Dư nợ
2. Nợ quá hạn, nợ xấu
3. Hiệu suất sử dụng vốn vay
4. Vòng quay vốn tín dụng
5. Khả năng sinh lời
6. Giá cả tín dụng



Chỉ tiêu: *Dư nợ*

- Chỉ tiêu này phản ánh quy mô hoạt động tín dụng của ngân hàng.

Tổng dư nợ = Dư nợ (VNĐ) + Dư nợ (ngoại tệ quy VNĐ)

- Dư nợ thường được phân loại theo:
 - + *Theo loại tiền (thường quy ra VNĐ và USD)*
 - + *Theo thời gian tín dụng*
 - + *Theo cơ cấu khách hàng*



Các chỉ tiêu: *Nợ quá hạn, nợ xấu*

- Tỷ lệ nợ quá hạn =
$$\frac{\text{Nợ quá hạn}}{\text{Tổng dư nợ}} \times 100\%$$
- Tỷ lệ nợ xấu =
$$\frac{\text{Nợ xấu}}{\text{Tổng dư nợ}} \times 100\%$$



Nợ quá hạn!!!

- Nợ quá hạn là thước đo quan trọng nhất đánh giá sự lành mạnh thể chế. Nó tác động tới tất cả các lĩnh vực hoạt động chính của NH
- Theo QĐ số 493 của NHNN thì “Nợ quá hạn” là khoản nợ mà một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi đã quá hạn.

Điều 3 (QĐ 493): Ít nhất mỗi quý một lần, trong thời hạn 15 ngày làm việc đầu tiên của tháng tiếp theo, TCTD thực hiện phân loại nợ gốc và trích lập dự phòng rủi ro đến thời điểm cuối cùng của quý (tháng) trước



Phân loại nợ

- **Nhóm 1: Nợ đủ tiêu chuẩn, bao gồm:**
 - + Các khoản nợ trong hạn.
 - + Các khoản nợ quá hạn dưới 10 ngày và có khả năng thu hồi đầy đủ gốc và lãi đúng thời hạn còn lại;
- **Nhóm 2: Nợ cần chú ý:**
 - + Các khoản nợ quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày
 - + Các khoản nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu và có khả năng trả nợ đủ nợ gốc và lãi đúng kỳ hạn.
- **Nhóm 3: Nợ dưới tiêu chuẩn:**
 - + Các khoản nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày
 - + Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu, trừ các khoản nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu phân loại vào nhóm 2.
 - + Các khoản nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo hợp đồng tín dụng;



Phân loại nợ (tiếp)

- **Nhóm 4: Nợ nghi ngờ**
 - + Các khoản nợ quá hạn từ 181-360 ngày
 - + Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn dưới 90 ngày theo thời hạn được cơ cấu lại lần đầu;
 - + Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai;
- **Nhóm 5: Nợ có khả năng mất vốn:**
 - + Các khoản nợ quá hạn trên 360 ngày
 - + Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 90 ngày trở lên theo thời hạn được cơ cấu lại lần đầu.
 - + Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai quá hạn theo thời hạn được cơ cấu lại lần thứ hai;
 - + Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, kể cả chưa bị quá hạn hoặc đã quá hạn;
 - + Các khoản nợ khoanh chờ xử lý.



Trích dự phòng rủi ro tín dụng

Số tiền dự phòng cụ thể đối với từng khoản nợ được tính theo công thức sau:

$$R = \max \{0, (A - C)\} \times r$$

Trong đó:

- R: số tiền dự phòng cụ thể phải trích
- A: giá trị của khoản nợ
- C: giá trị của tài sản bảo đảm
- r: tỷ lệ trích lập dự phòng cụ thể



Chỉ tiêu: *Hiệu suất sử dụng vốn*

$$H = \frac{\text{Tổng dư nợ}}{\text{Tổng vốn huy động được}} \times 100\%$$



Chỉ tiêu: *Vòng quay vốn tín dụng*

$$\text{Vòng quay vốn tín dụng} = \frac{\text{Doanh số thu nợ trong kỳ}}{\text{Dư nợ bình quân trong kỳ}} \times 100\%$$



Chỉ tiêu: *Khả năng sinh lời từ hoạt động tín dụng*

- Tỷ lệ thu nhập từ TD = $\frac{\text{Lãi từ hoạt động TD}}{\text{Tổng thu nhập}} \times 100\%$
- Tỷ lệ sinh lời của TD = $\frac{\text{Lãi từ hoạt động TD}}{\text{Tổng dư nợ bình quân}} \times 100\%$



Chỉ tiêu: *Giá cả tín dụng*

- ***Giá cả tín dụng = Lãi suất cho vay + Phí suất***
- Trong đó:
 - *Lãi suất cho vay được ghi trong HĐTD, thường được tính theo %/năm.*
 - *Phí suất là khoản tiền khách hàng phải trả để làm các thủ tục liên quan khi vay vốn tại ngân hàng.*



3. Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng TDNH

- **Nhân tố chủ quan từ phía Ngân hàng**

1. *Chính sách tín dụng*

2. *Quy trình tín dụng*

3. *Năng lực và phẩm chất của cán bộ tín dụng*

4. *Thông tin tín dụng*

- **Nhân tố thuộc về khách hàng**

1. *KH doanh nghiệp: Năng lực doanh nghiệp; Trình độ quản lý, Văn hóa DN*

2. *KH cá nhân: đạo đức của người đi vay; Mục tiêu vay vốn; Nguồn trả nợ của KH*



3. Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng TDNH

- **Nhân tố khách quan**

- 1. Môi trường kinh tế*
- 2. Môi trường pháp lý*
- 3. Môi trường tự nhiên*



V. Quy trình tín dụng

Khái niệm:

Quy trình tín dụng là tập hợp những nguyên tắc, quy định của ngân hàng trong việc cấp tín dụng

Đây là một quá trình bao gồm nhiều giai đoạn mang tính chất liên hoàn, theo một trật tự nhất định, có quan hệ chặt chẽ, gắn bó với nhau. Không thể thay đổi thứ tự thực hiện các bước vì bước trước là tiền đề, cơ sở thực hiện bước sau.



Quy trình tín dụng tổng quát

1. Lập hồ sơ xin cấp tín dụng
2. Phân tích tín dụng
3. Quyết định tín dụng
4. Giải ngân
5. Giám sát và thu nợ
6. Thanh lý hợp đồng tín dụng



- ***Tại sao phải thiết lập quy trình tín dụng?***



Tại sao phải thiết lập quy trình tín dụng?

- Đảm bảo cho việc cấp tín dụng được thực hiện thống nhất, tránh tùy tiện
- Đảm bảo tính minh bạch của việc cấp tín dụng của NH
- Hạn chế rủi ro của NH



VI. Chính sách tín dụng

1. Khái niệm

CSTD của một NHTM là một hệ thống các mục tiêu và các biện pháp nhằm đạt được mục tiêu đó.

Các câu hỏi:

- Đối tượng khách hàng chủ yếu?
- Quy mô của các khoản tín dụng?
- Thời hạn bao nhiêu là thích hợp?
- Sử dụng các hình thức cho vay nào?
- Lĩnh vực cho vay nào đang có xu hướng phát triển?



2. Cơ sở để hình thành CSTD?

- Nguồn vốn và tính chất ổn định của nguồn vốn
- Khả năng sinh lợi và sự rủi ro của khoản vay
- Tính ổn định của các khoản tiền gửi
- Chính sách tiền tệ của NHTW
- Các điều kiện về môi trường kinh tế vĩ mô
- Khả năng và trình độ của đội ngũ nhân viên NHTM



3. Công cụ thực hiện chính sách

- Công cụ tác động trực tiếp:
 - *Hạn mức tín dụng*
 - *Tiêu chuẩn cấp tín dụng*
 - *Mạng lưới và cơ cấu bộ máy quản lý tín dụng*
- Công cụ tác động gián tiếp:
 - *Lãi suất*
 - *Dự trữ bắt buộc và dự trữ thanh toán*



4. Mục tiêu của CSTD?

- Lợi nhuận
- An toàn
- Lành mạnh

Mối quan hệ giữa các mục tiêu?